

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM MẦM NON THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Võ Nguyễn Đoàn Trinh
Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: trinhvnd@tdmu.edu.vn.

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện của giáo dục hiện nay, việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên các ngành sư phạm nói chung, đặc biệt là ngành sư phạm mầm non, đòi hỏi phải được đổi mới mạnh mẽ theo hướng phát triển năng lực. Bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác quản lý hoạt động NCKH sinh viên ngành sư phạm mầm non trong kỷ nguyên số, chỉ ra những hạn chế hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển năng lực nghiên cứu, năng lực số, năng lực sáng tạo cho sinh viên.

Từ khóa: Quản lý, nghiên cứu khoa học, sinh viên, sư phạm mầm non, phát triển năng lực, kỷ nguyên số.
Ngày nhận bài: 29/12/2025; Biên tập: 30/12/2025; Phản biện: 05/01/2026; Duyệt đăng: 12/01/2026.

1. Mở đầu

Nghiên cứu khoa học là một trong những hoạt động quan trọng góp phần hình thành tư duy phản biện, năng lực sáng tạo và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Đối với sinh viên ngành sư phạm mầm non, NCKH không chỉ giúp nâng cao trình độ chuyên môn mà còn rèn luyện tư duy sư phạm, năng lực giải quyết vấn đề, khả năng ứng dụng công nghệ trong giảng dạy trẻ nhỏ.

Trong kỷ nguyên số, khi trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), và công nghệ giáo dục (EdTech) phát triển mạnh mẽ, công tác quản lý hoạt động NCKH của sinh viên ngành sư phạm mầm non cần được định hướng lại theo hướng phát triển năng lực toàn diện, tích hợp năng lực số, năng lực hợp tác, và năng lực sáng tạo. Đây là yêu cầu cấp thiết nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non có khả năng thích ứng với môi trường giáo dục thông minh và đổi mới sáng tạo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng phát triển năng lực

2.1.1. Khái niệm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên

a) Khái niệm chung về quản lý

Quản lý là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của chủ thể quản lý (cá nhân hoặc tổ chức) đến đối tượng quản lý (con người, quá trình, hoạt động...) nhằm đạt được mục tiêu đã xác định. Trong giáo dục đại học, quản lý bao gồm các chức năng cơ bản: lập kế hoạch - tổ chức - chỉ đạo - kiểm tra - đánh giá - điều chỉnh.

Theo quan điểm hiện đại, quản lý không chỉ là “điều hành” mà còn là quản trị phát triển, hướng tới đổi mới, sáng tạo, hiệu quả và phát triển năng lực người học.

b) Khái niệm hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên là quá trình sinh viên chủ động phát hiện vấn đề, tìm tòi, thu thập, xử lý thông tin, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết, rút ra kết luận khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Hoạt động này giúp sinh viên rèn luyện tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, sáng tạo và ứng dụng tri thức vào thực tiễn nghề nghiệp. Trong lĩnh vực sư phạm mầm non, NCKH giúp sinh viên hiểu sâu hơn về tâm lý trẻ, phương pháp giáo dục, thiết kế hoạt động trải nghiệm, ứng dụng công nghệ trong dạy học, v.v.

c) Khái niệm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên

Từ hai khái niệm trên, có thể hiểu: Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên là quá trình tổ chức, điều hành, giám sát, hỗ trợ và đánh giá toàn bộ hoạt động NCKH của sinh viên theo mục tiêu phát triển năng lực, đảm bảo hoạt động đó diễn ra hiệu quả, phù hợp với định hướng đào tạo của nhà trường và yêu cầu của xã hội.

Đây là quá trình phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý (nhà trường, khoa, giảng viên hướng dẫn) nhằm: Tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên tiến hành nghiên cứu; Hỗ trợ về học thuật, kỹ thuật, tài chính; Kiểm tra, đánh giá, phản hồi để nâng cao chất lượng nghiên cứu và hình thành năng lực khoa học cho sinh viên.

Chủ thể quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là Ban Giám hiệu nhà trường, khoa chuyên ngành, giảng viên hướng dẫn.

Đối tượng quản lý là hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Chủ thể quản lý tác động lên đối tượng quản lý thông qua các chức năng quản lý và công cụ quản lý.

Nội dung quản lý bao gồm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Trong đó phải xác định được nội dung nghiên cứu, phương pháp, hình thức tổ chức

nghiên cứu phù hợp với nội dung, chương trình đào tạo, phù hợp với năng lực cá nhân của sinh viên.

Xác định và điều khiển quy trình các bước tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tạo ra sự đồng bộ, thống nhất giữa quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên với quá trình đào tạo của nhà trường.

Đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả đánh giá phải được thực hiện trong mối quan hệ với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Nghĩa là phải xây dựng được tiêu chí đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành sư phạm mầm non.

d) Đặc trưng của quản lý hoạt động NCKH sinh viên trong kỷ nguyên số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, khái niệm này được mở rộng với các yếu tố mới: Quản lý thông qua nền tảng số (hệ thống quản lý đề tài trực tuyến, lưu trữ kết quả nghiên cứu số hóa, phản biện online). Tích hợp dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá, gợi ý đề tài, phát hiện đạo văn. Hỗ trợ phát triển năng lực số của sinh viên: năng lực tìm kiếm, xử lý dữ liệu, sử dụng công cụ công nghệ trong nghiên cứu. Liên kết mở giữa các bên: nhà trường - cơ sở thực tiễn - doanh nghiệp - cộng đồng học thuật số.

e) Chức năng của quản lý hoạt động NCKH sinh viên

- Lập kế hoạch: xác định mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu, hình thức và kinh phí cho hoạt động NCKH sinh viên.

- Tổ chức thực hiện: hướng dẫn quy trình, thành lập nhóm nghiên cứu, phân công giảng viên hướng dẫn.

- Chỉ đạo, điều hành: giám sát tiến độ, hỗ trợ kỹ thuật và học thuật, điều chỉnh kịp thời.

- Kiểm tra - đánh giá: xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực nghiên cứu, phản biện, nghiệm thu đề tài.

- Tổng kết - phát triển: công bố kết quả, khen thưởng, nhân rộng mô hình, cập nhật vào kho dữ liệu số của nhà trường.

Theo thực lý luận đã phân tích trên đây, có thể khái quát như sau: Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành sư phạm mầm non là quá trình tác động có kế hoạch, có tổ chức, bằng cả phương thức trực tiếp và trực tuyến, nhằm định hướng, tổ chức, hỗ trợ và đánh giá hoạt động nghiên cứu của sinh viên, qua đó phát triển năng lực nghiên cứu, năng lực số và năng lực nghề nghiệp sư phạm mầm non cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

2.1.2. Phát triển năng lực trong giáo dục đại học

Phát triển năng lực là định hướng giáo dục hiện đại, lấy người học làm trung tâm. Trong đó, năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ và khả năng vận dụng sáng tạo vào thực tiễn.

Đối với sinh viên sư phạm mầm non, các

nhóm năng lực trọng tâm cần được phát triển qua NCKH gồm:

- Năng lực nghiên cứu - sáng tạo. Biết phát hiện vấn đề, đặt giả thuyết, thu thập và xử lý dữ liệu, rút ra kết luận sư phạm.

- Năng lực công nghệ số. Sử dụng thành thạo các công cụ số trong tìm kiếm thông tin, phân tích dữ liệu, và trình bày kết quả nghiên cứu.

- Năng lực hợp tác và giao tiếp học thuật. Phối hợp nhóm, trao đổi, phản biện khoa học. Thể hiện chính kiến trong các vấn đề học thuật về khoa học giáo dục nói chung, về giáo dục mầm non nói riêng,

- Năng lực vận dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giáo dục mầm non. Phát triển lý luận về giáo dục mầm non. Đề xuất được các vấn đề đổi mới giáo dục mầm non trong kỷ nguyên số.

2.1.3. Đặc thù của hoạt động NCKH sinh viên sư phạm mầm non

Sinh viên ngành sư phạm mầm non thường có xuất phát điểm về năng lực nghiên cứu còn hạn chế, kỹ năng công nghệ chưa cao, và thiên về hoạt động cảm xúc - nghệ thuật. Vì vậy, công tác quản lý cần phù hợp với đặc thù giới tính, tâm lý, khả năng sáng tạo và năng lực sư phạm của đối tượng.

Nghiên cứu khoa học của sinh viên là một nội dung trong chương trình đào tạo, nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo. Mục tiêu nghiên cứu khoa học của sinh viên không phải phát hiện ra cái mới cho khoa học mà mục tiêu chủ yếu là phát hiện ra cái mới cho chính người học. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động học tập ở trình độ cao, là hoạt động tập dượt khám phá tri thức, có sự hướng dẫn của giảng viên.

2.2. Ưu điểm và hạn chế trong quản lý hoạt động NCKH của sinh viên ngành sư phạm mầm non hiện nay

2.2.1. Ưu điểm

Nhiều trường đại học, cao đẳng sư phạm đã ban hành quy chế, hướng dẫn cụ thể về NCKH sinh viên.

Có sự quan tâm của lãnh đạo, giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu. Có tài liệu đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu của sinh viên. Có kinh nghiệm thực tiễn của các khóa sinh viên trước.

Một số đề tài của sinh viên đã được ứng dụng vào thực tiễn chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non. Các đề tài nghiên cứu của sinh viên thường được kết nối với sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên ở các cơ sở giáo dục mầm non. Sát với thực tiễn, dễ ứng dụng.

Sinh viên bước đầu biết sử dụng công cụ số (Google Scholar, Canva, ChatGPT, SPSS...) trong nghiên cứu. Thông qua nghiên cứu khoa học mà năng lực của sinh viên được phát triển hoàn toàn theo khả năng cá nhân.

2.2.2. Hạn chế

Hoạt động quản lý chưa đồng bộ, chủ yếu dừng

ở khâu hành chính, thiếu cơ chế khuyến khích và đánh giá theo năng lực.

Nhiều sinh viên xem NCKH là hoạt động “phụ”, không gắn với chuẩn đầu ra. Chưa đầu tư công sức cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Một số sinh viên còn sao chép, làm cho có, cho qua. Kết quả nghiên cứu không đảm bảo về tính khoa học.

Năng lực số và kỹ năng nghiên cứu của sinh viên còn yếu, thiếu hướng dẫn hệ thống. Việc sử dụng công nghệ trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên hiệu quả còn thấp.

Cơ sở dữ liệu, hạ tầng công nghệ phục vụ nghiên cứu còn hạn chế. Nguồn thông tin dữ liệu số còn ít, chưa được phân loại theo ngành và hướng nghiên cứu. Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên còn thiếu bà chưa đồng bộ, khó thực hiện.

Chưa có mô hình quản lý NCKH trực tuyến, minh bạch, có tính cộng tác cao. Quản lý còn buông lỏng, không theo quy trình các bước trong quá trình nghiên cứu. Trong nhiều trường, hoạt động nghiên cứu khoa học chỉ được áp dụng cho một số sinh viên giỏi, còn lại nhiều sinh viên không được nghiên cứu.

2.3. Yêu cầu đổi mới quản lý hoạt động NCKH theo hướng phát triển năng lực trong kỷ nguyên số

- Lấy sinh viên làm trung tâm của quá trình nghiên cứu, giảng viên là người hướng dẫn, gợi mở. Trong quản lý cần phải có cơ chế điều hành đảm bảo cho giảng viên không bao biện làm thay và cũng không khoán trắng, thả nổi mặc cho sinh viên.

- Đổi mới mục tiêu quản lý từ “quản lý hành chính” sang “quản trị năng lực”, chú trọng kết quả đầu ra và khả năng ứng dụng.

- Tích hợp chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình quản lý. Chuyển đổi số trong đăng ký đề tài, theo dõi tiến độ, đánh giá, lưu trữ kết quả, công bố trực tuyến.

- Liên kết nhà trường - cơ sở giáo dục mầm non - doanh nghiệp công nghệ giáo dục trong hỗ trợ và triển khai đề tài thực tiễn.

- Phát triển văn hóa nghiên cứu - sáng tạo trong sinh viên, coi NCKH là con đường tự học, tự khẳng định.

2.4. Giải pháp quản lý hoạt động NCKH của sinh viên ngành sư phạm mầm non theo hướng phát triển năng lực

2.4.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, giảng viên

Mục tiêu của giải pháp nhằm tạo sự thống nhất nhận thức và nâng cao năng lực quản lý, hướng dẫn NCKH cho giảng viên, cán bộ quản lý theo định hướng phát triển năng lực và chuyển đổi số.

Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện giải pháp:

Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp hướng dẫn nghiên cứu khoa học theo tiếp cận năng lực, sử dụng công cụ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và phần mềm quản lý đề tài.

Cập nhật kiến thức và kỹ năng số cho giảng viên, khai thác cơ sở dữ liệu học thuật (Google Scholar, Scopus), sử dụng phần mềm quản lý trích dẫn (Zotero, Mendeley), công cụ hỗ trợ kiểm tra đạo văn, ChatGPT hoặc Copilot phục vụ hướng dẫn nghiên cứu.

Xây dựng quy chế rõ ràng về trách nhiệm, quyền lợi của giảng viên hướng dẫn và sinh viên tham gia NCKH.

Tổ chức diễn đàn trao đổi học thuật để chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hiệu quả trong quản lý và hướng dẫn NCKH sinh viên.

Thực hiện tốt giải pháp này sẽ giúp đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực quản lý, hướng dẫn nghiên cứu theo hướng phát triển năng lực và ứng dụng công nghệ số thành thạo.

2.4.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý hoạt động NCKH sinh viên

Mục tiêu của giải pháp này nhằm tạo hành lang pháp lý và quy trình quản lý khoa học, minh bạch, phù hợp với chuẩn đào tạo sư phạm mầm non trong bối cảnh số hóa.

Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện giải pháp:

Xây dựng và ban hành quy chế NCKH sinh viên cập nhật theo hướng kết hợp giữa hình thức truyền thống và trực tuyến; Gắn NCKH với chuẩn đầu ra, đánh giá năng lực và điểm rèn luyện sinh viên.

Thiết lập hệ thống quản lý NCKH trực tuyến (qua website hoặc nền tảng LMS) cho phép sinh viên đăng ký, cập nhật tiến độ, nộp báo cáo, nhận phản hồi và tra cứu kết quả công khai.

Đổi mới quy trình xét duyệt, đánh giá đề tài bằng tiêu chí năng lực, chú trọng tính sáng tạo, khả năng ứng dụng, năng lực công nghệ và năng lực hợp tác nhóm.

Tăng cường cơ chế khuyến khích, khen thưởng, công bố kết quả nghiên cứu, quy đổi điểm học phần hoặc tín chỉ nghiên cứu.

Tạo liên kết ba bên: Nhà trường - cơ sở giáo dục mầm non - doanh nghiệp công nghệ giáo dục để hỗ trợ triển khai, ứng dụng đề tài.

Thực hiện tốt giải pháp này sẽ giúp hoạt động NCKH của sinh viên được quản lý đồng bộ, minh bạch, có tính số hóa cao và phù hợp với cơ chế đánh giá năng lực.

2.4.3. Quy trình hóa các bước tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Quy trình tổ chức hoạt động NCKH sinh viên được triển khai theo 6 bước cơ bản, đảm bảo tính logic, khoa học và phù hợp với định hướng phát triển năng lực trong kỷ nguyên số.

Bước 1. Xác định định hướng, chủ đề và kế hoạch nghiên cứu khoa học sinh viên

Đây là giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu. Việc xác định chủ đề nghiên cứu phải căn cứ chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch năm học, định hướng khoa học công nghệ, nhu cầu thực tiễn ngành đào

tạo. Chủ đề nghiên cứu phải phù hợp với mục tiêu, chương trình đào tạo của khoa chuyên ngành. Đồng thời phải phù hợp với năng lực cá nhân của sinh viên.

Nội dung thực hiện:

Khoa, bộ môn xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên (ví dụ: đổi mới phương pháp giáo dục mầm non, ứng dụng CNTT trong dạy học, phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho trẻ...).

Xây dựng kế hoạch NCKH sinh viên toàn trường (chỉ tiêu đề tài, kinh phí, thời gian, hình thức báo cáo).

Thông báo rộng rãi cho sinh viên qua hệ thống quản lý học tập (LMS), website, hoặc nền tảng số.

Kết quả của giải pháp này là có kế hoạch NCKH sinh viên chi tiết, đảm bảo đồng bộ và khả thi.

Bước 2. Hướng dẫn sinh viên hình thành ý tưởng và lựa chọn đề tài nghiên cứu

Căn cứ vào kế hoạch và định hướng chung của nhà trường, khoa chuyên ngành và sinh viên tự lựa chọn vấn đề nghiên cứu phù hợp. Sinh viên được khuyến khích phát hiện vấn đề từ thực tiễn học tập, thực hành, hoặc thực tế giáo dục mầm non.

Giảng viên hướng dẫn giúp sinh viên xác định: Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu; Giả thuyết nghiên cứu; Phương pháp tiếp cận phù hợp.

Khuyến khích sinh viên sử dụng công cụ số (Google Trends, ChatGPT, Research Rabbit, Scopus...) để tìm kiếm, sàng lọc và xác định tính mới của đề tài.

Kết quả của bước này là mỗi nhóm hoặc cá nhân sinh viên có đề xuất đề tài kèm đề cương sơ bộ.

Bước 3. Thẩm định, phê duyệt và phân công hướng dẫn đề tài

Hội đồng khoa học cấp khoa hoặc trường xét duyệt đề tài dựa trên: Tính khoa học, tính mới, tính thực tiễn; Phù hợp với năng lực sinh viên và định hướng đào tạo; Khả năng triển khai và nguồn lực.

Sau khi phê duyệt, nhà trường phân công giảng viên hướng dẫn, xác định thời gian - tiến độ - kinh phí - kết quả mong đợi.

Cơ quan quản lý sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong phê duyệt, lưu trữ, cập nhật đề tài trên hệ thống quản lý NCKH trực tuyến.

Bước 4. Tổ chức triển khai thực hiện nghiên cứu

Đây là bước triển khai nghiên cứu đề tài. Sinh viên tiến hành nghiên cứu theo kế hoạch, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Giảng viên hướng dẫn giám sát tiến độ, góp ý về phương pháp, cách thu thập và xử lý dữ liệu.

Các chủ thể quản lý tổ chức cho sinh viên sử dụng công cụ hỗ trợ để tiến hành các hoạt động nghiên cứu. Bao gồm: Google Form, Excel/SPSS (phân tích dữ liệu), Canva hoặc PowerPoint (trình bày kết quả), phần mềm chống đạo văn.

Kết quả của bước này là giúp sinh viên hình thành các kỹ năng trọng tâm trong nghiên cứu khoa học. Bao gồm: Kỹ năng nghiên cứu - phân tích - tổng hợp; Kỹ năng sử dụng công nghệ trong nghiên

cứu; Kỹ năng hợp tác nhóm và quản lý thời gian.

Sản phẩm của nghiên cứu là báo cáo nghiên cứu hoàn chỉnh (bản mềm và bản cứng), dữ liệu minh chứng và nhật ký nghiên cứu số hóa.

Bước 5. Báo cáo, phản biện và đánh giá kết quả nghiên cứu

Sinh viên trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng hoặc trong Hội nghị NCKH sinh viên (trực tiếp hoặc trực tuyến).

Hội đồng phản biện, đánh giá dựa trên bộ tiêu chí năng lực nghiên cứu khoa học, bao gồm: Năng lực tư duy và giải quyết vấn đề; Năng lực phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu; Năng lực trình bày, lập luận và giao tiếp học thuật; Năng lực ứng dụng công nghệ và tính sáng tạo.

Bước này có thể ứng dụng công nghệ trong tổ chức phản biện trực tuyến, chấm điểm qua biểu mẫu điện tử, công bố kết quả trên hệ thống học thuật của trường. Kết quả đạt được của bước này là xếp loại đề tài, lựa chọn công trình tiêu biểu để công bố hoặc gửi dự thi.

Bước 6. Tổng kết, công bố, lưu trữ và nhân rộng kết quả nghiên cứu

Tổng kết hoạt động NCKH sinh viên hằng năm, công bố kết quả trên website, tạp chí khoa học sinh viên, kho dữ liệu số. Khen thưởng, hỗ trợ công bố quốc tế hoặc trong nước, tạo động lực nghiên cứu lâu dài. Tích hợp kết quả nghiên cứu vào đào tạo, ví dụ: đưa sản phẩm nghiên cứu vào giờ học, thực hành, hoặc mô hình trải nghiệm ở trường mầm non. Cập nhật dữ liệu nghiên cứu vào hệ thống số của trường để làm nguồn học liệu mở cho sinh viên khóa sau.

Tóm tắt quy trình (sơ đồ khái quát)

Bước	Nội dung chủ yếu	Mục tiêu năng lực hình thành
1	Xác định hướng và kế hoạch NCKH	Năng lực lập kế hoạch, tư duy chiến lược
2	Hình thành ý tưởng và chọn đề tài	Năng lực phát hiện vấn đề, sáng tạo
3	Thẩm định, phê duyệt đề tài	Năng lực đánh giá, ra quyết định
4	Tổ chức triển khai nghiên cứu	Năng lực nghiên cứu, hợp tác, công nghệ số
5	Báo cáo, phản biện và đánh giá	Năng lực giao tiếp, phản biện học thuật
6	Tổng kết, công bố và nhân rộng	Năng lực chia sẻ, ứng dụng kết quả nghiên cứu

Quy trình trên thể hiện sự liên tục - tương tác - phát triển năng lực, không chỉ quản lý theo hành chính mà còn theo hướng “quản trị học thuật số hóa”. Trong kỷ nguyên số, mỗi bước trong quy trình cần được số hóa, minh bạch hóa và gắn với năng lực cụ thể của sinh viên, giúp hoạt động NCKH trở thành một phần không thể tách rời của quá trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp.

2.4.4. Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực số cho sinh viên

Mục tiêu của giải pháp nhằm hình thành cho sinh viên năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, sáng tạo, cùng năng lực công nghệ số cần thiết trong môi trường nghiên cứu hiện đại.

Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện giải pháp:

Lồng ghép nội dung NCKH vào chương trình đào tạo: xây dựng học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non”, “Kỹ năng nghiên cứu và công bố kết quả”.

Tổ chức tập huấn chuyên đề: cách viết đề cương, thiết kế công cụ khảo sát, phân tích dữ liệu, viết báo cáo, trình bày kết quả nghiên cứu.

Phát triển năng lực số: hướng dẫn sinh viên sử dụng các công cụ số (Google Form, Excel, SPSS, Canva, ChatGPT, AI tools for research).

Khuyến khích tự học - tự nghiên cứu: cung cấp học liệu mở, video hướng dẫn, kho dữ liệu nghiên cứu trực tuyến.

Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nhóm nghiên cứu, dự án giảng viên, hoặc thực hành nghiên cứu tại các cơ sở mầm non.

Thực hiện tốt giải pháp này sẽ giúp cho sinh viên có năng lực nghiên cứu độc lập, biết ứng dụng công nghệ số vào nghiên cứu, có khả năng công bố và chia sẻ tri thức khoa học.

2.4.5. Ứng dụng chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình quản lý và tổ chức NCKH sinh viên

Mục tiêu của giải pháp này nhằm tận dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thủ tục hành chính, tăng tính tương tác và minh bạch trong hoạt động NCKH.

Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện giải pháp:

Xây dựng nền tảng số quản lý NCKH sinh viên. Đăng ký - phê duyệt - phản biện - nghiệm thu - lưu trữ - công bố.

Ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để gợi ý đề tài, kiểm tra đạo văn, hỗ trợ phản biện và phân tích dữ liệu.

Phát triển thư viện số, kho dữ liệu mở về NCKH sinh viên sư phạm mầm non. Mở rộng mạng lưới tương tác giữa nhà trường, khoa chuyên ngành với các cơ sở giáo dục mầm non trên không gian mạng.

Tổ chức hội nghị NCKH sinh viên trực tuyến (qua Zoom, MS Teams, Metaverse giáo dục). Điều tra, khảo sát, thi thập số liệu trực tuyến.

Đa dạng hóa hình thức công bố: website khoa học sinh viên, tạp chí số, diễn đàn nghiên cứu trên mạng xã hội học thuật (ResearchGate, Academia).

Giải pháp này sẽ giúp cho toàn bộ hoạt động NCKH được số hóa, minh bạch, có tính tương tác cao, tạo môi trường học thuật mở, khuyến khích sáng tạo.

2.4.6. Xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học thân thiện, sáng tạo và khuyến khích động lực nội sinh

Mục tiêu của giải pháp này nhằm tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên chủ động tham gia, nuôi

dưỡng niềm đam mê, phát triển năng lực sáng tạo trong nghiên cứu.

Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện giải pháp:

Thành lập các Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học sinh viên, nhóm học thuật liên ngành, câu lạc bộ STEM - STEAM cho sinh viên sư phạm mầm non.

Tổ chức định kỳ các cuộc thi, diễn đàn, ngày hội NCKH sinh viên gắn với chủ đề “Giáo dục mầm non trong thời đại số”.

Hỗ trợ tài chính, học bổng nghiên cứu, công bố kết quả khoa học, đặc biệt cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hoặc đề tài ứng dụng thực tiễn.

Xây dựng văn hóa nghiên cứu trong nhà trường. Khuyến khích tinh thần trung thực, hợp tác, phản biện, tôn trọng tri thức và sáng tạo.

Kết nối sinh viên với chuyên gia, nhà nghiên cứu, cựu sinh viên, hình thành mạng lưới học thuật hỗ trợ lâu dài.

Thực hiện tốt giải pháp này sẽ tạo ra môi trường học thuật cởi mở, sáng tạo, sinh viên chủ động tham gia nghiên cứu và hình thành động lực nội sinh bền vững.

2.4.7. Tăng cường hợp tác và liên kết trong nghiên cứu khoa học

Mục tiêu của giải pháp này nhằm mở rộng cơ hội học tập, ứng dụng thực tiễn và giao lưu học thuật cho sinh viên ngành sư phạm mầm non.

Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện giải pháp:

Ký kết hợp tác giữa trường đại học sư phạm và các trường mầm non, viện nghiên cứu, doanh nghiệp giáo dục để sinh viên có cơ hội triển khai đề tài gắn với thực tiễn.

Phát triển các dự án nghiên cứu chung giữa sinh viên và giảng viên, sinh viên các ngành khác (CNTT, Tâm lý, Âm nhạc, Mỹ thuật...).

Tổ chức hội thảo, tọa đàm quốc gia và quốc tế về nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non.

Khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí uy tín, tạp chí khoa học sinh viên, diễn đàn học thuật quốc tế.

Thực hiện tốt giải pháp này sẽ tăng cường kết nối nghiên cứu - đào tạo - thực tiễn; sinh viên có cơ hội trải nghiệm học thuật, phát triển năng lực nghiên cứu trong môi trường quốc tế hóa.

2.4.8. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá và công bố kết quả NCKH của sinh viên ngành sư phạm mầm non

Mục tiêu của giải pháp này nhằm bảo đảm hoạt động đánh giá khách quan, công bằng, định hướng phát triển năng lực và khuyến khích sáng tạo cho sinh viên ngành sư phạm mầm non.

Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện giải pháp:

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học gồm 5 nhóm: tư duy khoa học, phương pháp nghiên cứu, năng lực công nghệ số, năng lực trình bày, và năng lực ứng dụng.

Đổi mới hình thức đánh giá. Kết hợp đánh giá

của hội đồng, tự đánh giá của sinh viên, đánh giá đồng đẳng và đánh giá qua sản phẩm số (báo cáo, video, poster...).

Ứng dụng AI và phần mềm phân tích ngôn ngữ để hỗ trợ phản biện và phát hiện sao chép. Công khai kết quả đánh giá, công bố trên hệ thống số của trường để lan tỏa kết quả nghiên cứu tiêu biểu.

Thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần đánh giá phản ánh đúng năng lực thực chất của sinh viên, khuyến khích học tập sáng tạo và trung thực khoa học.

3. Kết luận

Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành sư phạm mầm non theo hướng phát triển năng lực trong kỷ nguyên số là yêu cầu tất yếu nhằm hình thành đội ngũ giáo viên mầm non tương lai có năng lực nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Việc đổi mới cơ chế quản lý, tích hợp chuyển đổi số, phát triển năng lực nghiên cứu - công nghệ - hợp tác sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện hiệu quả mục tiêu chuyển đổi số giáo dục đại học Việt Nam.

Các nhóm giải pháp được đề xuất trong bài viết này có mối quan hệ hữu cơ, tương tác hai chiều, trong đó chuyển đổi số và phát triển năng lực là trục xuyên suốt. Việc triển khai đồng bộ sẽ giúp các trường sư phạm: Nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng hoạt động NCKH sinh viên; Phát triển

năng lực nghiên cứu, năng lực số, năng lực nghề nghiệp cho sinh viên mầm non; Góp phần xây dựng môi trường giáo dục đại học thông minh, sáng tạo và nhân văn trong kỷ nguyên số ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *về ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ*. Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2020
- [2]. Clayton M. Christensen, Michael E. Raynor và Rory McDonald (2015). *Đổi mới đột phá là gì?*. Tạp chí Harvard Business Review, tháng 12 năm 2015.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024). *Nghị quyết của Bộ Chính trị Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). *Nghị quyết của Bộ Chính trị Về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Nghị quyết số 71-NQ/TW. Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025
- [5]. Ngô Văn Định (2024). *Thực trạng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong nghiên cứu khoa học giáo dục của sinh viên sư phạm*. Tạp Chí Giáo dục, Tập 24 (7/2024), tr. 55 - 60.
- [6]. Trang Ngô Thị Trang (2019). *Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên đại học sư phạm*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

MANAGING SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES OF STUDENTS IN THE EARLY CHILDHOOD EDUCATION MAJOR, FOLLOWING THE DEVELOPMENT OF COMPETITIONS IN THE DIGITAL AGE

Vo Nguyen Doan Trinh
Thu Dau Mot University
Email: trinhvnd@tdmu.edu.vn.

Abstract: In the context of the current comprehensive digital transformation of education, the management of scientific research activities of students in teacher training programs in general, and especially in early childhood education, requires strong innovation towards developing competencies. This article analyzes the theoretical and practical basis of managing scientific research activities of early childhood education students in the digital age, points out current limitations, and proposes solutions to improve the effectiveness of management and develop research, digital, and creative competencies for students.

Keywords: Management, scientific research, students, early childhood education, competency development, digital age.